TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AA** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **507**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2023
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AA - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Thanh Hiền**.

2. Ông **Lê Văn Minh**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thu Thảo** - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Cô Đàm Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **357**/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2023 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Trần Thị Trường A, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bị đơn: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 20/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị* Trần Thị Trường A *trình bày*:

Chị và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển sổ 01 ngày 29/04/2008.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 12/2017 thì đôi bên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi; nguyên nhân là do anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Đến đầu tháng 5/2023, chị đã làm đơn xin ly hôn với anh T; tuy nhiên để tạo điều kiện cho đôi bên hàn gắn tình cảm, chị A đã rút lại đơn kiện. Đầu năm 2023, anh T tiếp tục có mối quan hệ tình cảm nam nữ với người phụ nữ khác nữa, chị đã nhiều lần khuyên anh T nên sửa đổi, để giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Nay chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị A yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 03/5/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.*

- Về tài sản chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh* Nguyễn Thanh T *có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ.*

Anh T2 có bản tự khai ngày 11/8/2023 gửi Tòa án với nội dung như sau:

- Về hôn nhân: Anh T2 đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con chung: Có 01 con chung sinh ngày 03/5/2011. Hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn, anh T2 đồng ý giao con chung cho chị A nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị A vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với anh T2.

Anh T2 vắng mặt (có đơn xin).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thanh T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp "*Ly hôn*".

[3] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Trường A và anh Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển sổ 01, ngày 29/04/2008.

Tại phiên tòa, chị A trình bày nguyên nhân xin ly hôn với anh T là vì từ đầu năm 2019 đến đầu năm 2023, anh T có rất nhiều mối quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ khác ngoài vợ, chị và má chồng chị A thường khuyên can và anh T có hứa sửa đổi, đảm bảo quan hệ một vợ một chồng với chị A, cùng chị lo cho gia đình và các con, nhưng anh không giữ lời hứa. Chị cũng đã từng hai lần nộp đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang vào năm 2019 và tháng 5/2023, nhưng chị lại rút đơn để anh T có thời gian khắc phục lỗi lầm, sửa đổi tính tình theo chiều hướng tích cực, nhưng anh T không cải thiện. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay.

Đối với anh T, anh đã có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án (đơn đề ngày 11/8/2023) và anh có bản khai là đồng ý ly hôn với chị A (bút lục 28).

Tại biên bản xác minh ngày 11/8/2023 (bút lục 26) thể hiện, anh T và chị A đã có mâu thuẫn khoảng 02 năm nay, hai người nhiều lần làm thủ tục ly hôn, nhưng sau đó hàn gắn. Hiện nay chị A và anh T đã ly thân .

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu của chị A xin ly hôn anh T là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 03/5/2011. Xét, từ khi anh chị ly thân, con chung do chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu T1 có nguyện vọng được sống với mẹ (bút lục 07); anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị A nuôi dưỡng khi hai người ly hôn; chị A có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (bút lục 01 – 05). Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu T1, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao con chung cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị A chưa yêu cầu, nên tạm thời anh T chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Diễm T1.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; còn anh T trình bày không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trường A.

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Trường A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm T1, sinh ngày 03/5/2011. Khi ly hôn, tiếp tục giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng*: anh T tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Diễm T1.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, cấn trừ với 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021991 ngày 05/07/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí.

3/ Q kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. AA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS H. AA;
- UBND xã Hữu Đạo, H. AA;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

HUỲNH THỊ TRÚC MAI